TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa– Thư ký Toà án.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1346/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1985

Bị đơn: Ông Trương Minh Ch, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị G với ông Trương Minh Ch xác lập quan hệ vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đức Hòa vào năm 2019, nhưng đã sống chung như vợ chồng từ năm 2015. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến tháng 3 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Ch có quan hệ ngoại tình; chơi cờ bạc qua mạng; thường xuyên qua biên giới chơi casino và gây nợ nần nhiều nên vợ chồng thường xuyên gây gổ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà G với ông Ch có một con chung tên Trương Trần Gia H, sinh ngày 30/3/2016; bà G đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung; bà G không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung với ông Ch.

Bị đơn ông Trương Minh Ch có ý kiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh Ch thống nhất với lời trình bày của bà G về việc xác lập quan hệ vợ chồng; đời sống chung vợ chồng nhưng không đồng ý về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; xác định đời sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng vợ chồng đã sống ly hôn nhau do bà G đã chuyển về tỉnh Bình Dương sống từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay, nên bà G yêu cầu ly hôn thì ông Ch không đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Ch với bà G có một con chung tên Trương Trần Gia H, sinh ngày 30/3/2016; hiện nay bà G đang nuôi dưỡng. Ông Ch có ý kiến là trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì ai nuôi con sẽ do Tòa án quyết định; ông Ch không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ch xác định không có nợ chung với bà G.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không đồng ý đoàn tụ nên hòa giải đoàn tụ không thành và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà G và bị đơn ông Ch đều vắng mặt, nhưng các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh Ch. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp ly hôn", nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị G, bị đơn ông Trương Minh Ch đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ thì nguyên đơn bà G yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tình cảm vợ chồng; nuôi con chung; không yêu cầu về cấp dưỡng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông Ch không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39/2019 ngày 11/3/2019 của UBND xã L và sự thừa nhận của đương sự thì bà G và ông Ch xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đức Hòa vào ngày 11/3/2019 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G với ông Ch là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay và bà G không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Ch. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà G với ông Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà G đối với ông Ch.

[6] Theo Trích lục khai sinh số 86/TLKS-BS ngày 05/4/2019 của UBND xã L và sự thừa nhận của các đương sự thì bà G với ông Ch có một con chung tên Trương Trần Gia H, sinh ngày 30/3/2016; bà G đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con; ông Ch thì cho rằng việc ai là người trực tiếp nuôi con sẽ do Tòa án quyết định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu H cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà G không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên ông Ch không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung với nhau nên không đề cập.

[10] Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị G đối với ông Trương Minh Ch.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị G được ly hôn với ông Trương Minh Ch.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị G và ông Trương Minh Ch có một con chung tên Trương Trần Gia H, sinh ngày 30/3/2016; bà G đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà G được quyền tiếp tục nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trương Minh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo Biên lai số 0004393 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã L;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Văn Phương